

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ Q  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 24 - 9 - 2020  
V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và  
gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Công Muội.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đàm Chí Thân và ông Phạm Minh Thư.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Ngô Thị Mỹ - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 9 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu 7, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. *Có mặt.*

**- Bị đơn:** Chị Hà Thị L2, sinh năm: 1984

Nơi ĐKKHKT: Khu 7, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ hiện nay: Khu 12, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. *Có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải nguyên đơn là anh Nguyễn Văn L1 trình bày:

Anh L1 và chị Hà Thị L2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Q), tỉnh Quảng Ninh vào ngày 23 - 02 - 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2013 tại gia đình nhà chồng, địa chỉ: Khu 7, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng nhau trong quan điểm sống nên thường

xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mặt khác anh đi làm xa, hay vắng nhà, vợ chồng không hiểu và thông cảm được cho nhau. Anh và chị L2 sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm ai nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị L2.

Về con chung: Anh và chị Hà Thị L2 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ng1, sinh ngày 5/5/2004 và cháu Nguyễn Thị Ng2, sinh ngày 5/5/2004. Tại đơn khởi kiện anh L1 có quan điểm, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cho chị L2 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ng1 và Nguyễn Thị Ng2 đến khi thành niên, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai và phiên hòa giải anh L1 có quan điểm anh đề nghị Tòa án giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ng1 và Nguyễn Thị Ng2 đến khi thành niên, anh không yêu cầu chị L2 dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị Hà Thị L2 không có tài sản gì chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh L1 trình bày có nội dung như trên nhưng bổ sung một số nội dung sau: Về tình cảm: Cuối năm 2013, đầu năm 2014 khi cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị L2 bỏ về bố mẹ đẻ sinh sống và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Về con chung: Anh đề nghị Tòa án giao cho chị L2 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ng1 và Nguyễn Thị Ng2 đến khi thành niên, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung 6.000.000 đồng một tháng kể từ ngày 01/10/2020 đến khi các con chung thành niên. Anh không có điều kiện cấp dưỡng một lần như yêu cầu của chị Hà Thị L2. Về tài sản chung: Từ trước đến nay anh sống nhờ nhà của mẹ anh, việc chị L2 yêu cầu anh phải trả lại cho chị công sức đóng góp của chị vào khối tài sản chung của vợ chồng là không có căn cứ, vì mảnh đất mà chị L2 cho rằng chị có đóng góp công sức là mảnh đất của mẹ anh.

Bị đơn chị Hà Thị L2 trình bày tại bản tự khai và tại phiên hòa giải:

Chị kết hôn với anh Nguyễn văn L1 trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y (nay là ủy ban nhân dân phường H, thị xã Q), tỉnh Quảng Ninh vào ngày 23/02/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại khu 7, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh L1 không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, chơi bời, cờ bạc, nhiều lần đánh đập chị. Ngoài ra anh L1 còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, và cũng đã có con riêng. Chị và anh L1 đã sống ly thân nhau từ năm 2013, chị chuyển về sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở khu 12, phường Hà An, thị xã Q từ đó đến nay, chị và anh L1 không liên lạc và không còn tình cảm với nhau nữa. Mặc dù nay chị không còn tình cảm với anh L1 nữa nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh L1 vì chị

không chấp nhận việc anh L1 muốn ly hôn với chị để đến với người phụ nữ khác.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn L1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ng1, sinh ngày 5/5/2004 và cháu Nguyễn Thị Ng2, sinh ngày 5/5/2004. Chị có quan điểm nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, đề nghị Tòa án giao hai con cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung. Chị sẽ thu thập tài liệu, chứng cứ và sẽ có yêu cầu sau.

Tại phiên tòa chị L2 trình bày cơ bản giống như bản tự khai. Chị có thay đổi, bổ sung nội dung như sau: Về tình cảm: Chị L2 cho rằng mình vẫn còn tình cảm với anh L1 nên chị không đồng ý ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung 6.000.000 đồng một tháng, thời gian bắt từ ngày 01/10/2020 đến khi các con chung thành niên và yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng một lần đối với toàn bộ số tiền phải cấp dưỡng và phải giao tiền ngay. Về tài sản chung: Chị và anh L1 không có tài sản chung, nhưng trong thời gian chung sống có bỏ tiền thuê san lấp nền đất cho gia đình nhà chồng chị yêu cầu trả lại cho chị phần công sức đóng góp của chị. Hiện tại chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Ngày 24/8/2020, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh L1 và chị L2 từng cư trú thấy: Sau khi kết hôn anh L1 và chị L2 chung sống cùng nhau tại khu 7, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Khoảng năm 2013 gia đình xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau. Khoảng từ năm 2014 đến nay, anh L1 và chị L2 sống ly thân nhau, chị L2 chuyển về sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở khu 12, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh L1 và chị L2 không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa theo đúng quy định.

- Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử anh Nguyễn Văn L1 được ly hôn với chị Hà Thị L2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị L2 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ng1, sinh ngày 5/5/2004 và cháu Nguyễn Thị Ng2, sinh ngày 5/5/2004. Anh Nguyễn Văn L1 phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền

6.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 10/2020 đến khi các con chung thành niên.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

### **[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền xét xử của Tòa án: Anh Nguyễn Văn L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị L2 hiện đang ĐKKHKT tại khu 7, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ hiện nay tại khu 12, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

### **[2] Về nội dung:**

- Về tình cảm: Hôn nhân của anh Nguyễn Văn L1 và chị Hà Thị L2 là hôn nhân tiến bộ, hợp pháp được pháp luật bảo vệ; Tuy nhiên trong quá trình chung sống giữa vợ chồng anh L1 và chị L2 thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Bản thân chị L2 cho rằng anh L1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác đến nay đã có con riêng còn anh L1 cũng cho rằng chị L2 đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh L1 và chị L2 đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau từ khoảng cuối năm 2013, đầu năm 2014 đến nay, chị L2 và 02 con sống tại nhà bà ngoại tại khu 12, phường Hà An, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Như vậy Anh L1 và chị L2 đã không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, không tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, vợ chồng sống ly thân, do vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền và nghĩa vụ của hai vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy cuộc hôn nhân của anh L1 và chị L2 đã ở mức độ mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L1, cho anh L1 ly hôn với chị L2.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn L1 và chị Hà Thị L2 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ng1 và cháu Nguyễn Thị Ng2 cùng sinh ngày 5/5/2004. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2020, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Ng1 và cháu Ng2, các cháu hiện nay đang sống cùng mẹ tại nhà bà ngoại và đều có quan điểm muốn ở với mẹ nếu bố mẹ các cháu ly hôn. Để đảm bảo ổn định cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cũng như ổn định việc học tập của các cháu, Hội đồng xét xử thấy cần giao 02 con chung là Nguyễn Thị Ng1 và Nguyễn Thị Ng2 cho chị Hà Thị L2 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L2 yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung 6.000.000 đồng một tháng kể từ ngày 01/10/2020 đến khi các con chung

thành niên, chị yêu cầu anh L1 cấp dưỡng một lần và cấp dưỡng ngay. Anh L1 đồng ý mức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng như chị L2 yêu cầu, nhưng không đồng ý phương thức cấp dưỡng giao tiền ngay một lần. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay anh L1 làm nghề tự do, công việc không ổn định dẫn đến thu nhập không ổn định, việc anh L1 không đồng ý cấp dưỡng giao tiền ngay một lần do anh không thể thu xếp được một số tiền lớn ngay là có căn cứ. Anh đề nghị được cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng với số tiền 6.000.000 một tháng là hợp lý và cần được chấp nhận.

- Về tài sản chung: Việc chị L2 yêu cầu anh L1 phải trả cho chị công sức đóng góp của chị vào gia đình nhà chồng, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh, chưa nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị L2 có quyền yêu cầu bằng một vụ án khác.

**[3] Về án phí:** Anh Nguyễn Văn L1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5, điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Anh L1 và chị L2 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm d khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L1.**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L1 được ly hôn chị Hà Thị L2.

Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Ng1 sinh ngày 05/5/2004 và con Nguyễn Thị Ng2, sinh ngày 05/5/2004 cho chị Hà Thị L2 trực tiếp nuôi

dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Văn L1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn L1 phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng kể từ ngày 01/10/2020 đến khi 02 con chung đến tuổi thành niên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Anh Nguyễn Văn L1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà anh L1 đã nộp theo biên lai số 0000116 ngày 12/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q.

**3. Về quyền kháng cáo:** Anh Nguyễn Văn L1 và chị Hà Thị L2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX Q;
- CCTHADS TX Q;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Công Mười**